

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 62/2021/HN&GD-ST

Ngày: 25 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba.
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2021/TLST-HN&GD, ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HN&GD, ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2021/QĐST- HN&GD, ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tôn Thị Diệu H, sinh năm: 1993;

HKTT: Số nhà 80, xóm 6, thôn 3, xã GH, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số nhà 117, đường số 1, thôn 5, xã ĐT, huyện DL, tỉnh BT. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 15/4/2021, cùng các bản tự khai, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Tôn Thị Diệu H thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã HK, huyện TL, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2012, quyển số: 01, đăng ký ngày 07/11/2012. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là tính tình của cả 2 không hợp nhau, không đồng quan điểm, ít sống gần gũi nhau nên thiếu sự thấu hiểu và thông cảm cho nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh T nữa, mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh T có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Đăng Trọng V, sinh ngày 13/10/2014. Chị không yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai của anh Nguyễn Đăng T ghi ngày 16/4/2021, thể hiện.

Về hôn nhân: Anh và chị Tôn Thị Diệu H tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HK, huyện TL, tỉnh BT. Anh công nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không được hòa hợp và không hiểu nhau, thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh với chị H có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Đăng Trọng V, sinh ngày 13/10/2014. Anh và chị H tự thỏa thuận về quyền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 19 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 15/4/2021, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Tôn Thị Diệu H và anh Nguyễn Đăng T tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HK, huyện TL, tỉnh BT. Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2012, quyển số: 01, đăng ký ngày 07/11/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính

tình anh, chị không hòa hợp, không hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau. Anh, chị thường xuyên không sống gần gũi nhau nên tình cảm vợ chồng không được mặn nồng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh chị đều có đơn xin xét xử vắng mặt sau khi gửi đơn khởi kiện nên không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện tại anh chị đã sống ly thân một thời gian khá dài. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong đơn khởi kiện, các bản khai có tại hồ sơ thể hiện việc chị H và anh T đã thống nhất với nhau về quyền nuôi con chung, cả hai người đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của cả chị H và anh T đều chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Tôn Thị Diệu H và anh Nguyễn Đăng T là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị H thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị Diệu H.

1. Về hôn nhân: Chị Tôn Thị Diệu H ly hôn anh Nguyễn Đăng T.

2. Về án phí: Chị Tôn Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005271, ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Huy Khiêm,
huyện Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đức